

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2021/TLST- KDTM ngày 14-01-2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP NT Việt Nam; địa chỉ: Số 198 đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT Việt Nam; người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đoàn Thị Hồng N - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP NT Việt Nam - Chi nhánh N (theo giấy uỷ quyền số 02/UQ-VCB.PC ngày 01-01-2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP NT Việt Nam); người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Hữu D - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch YY - Ngân hàng TMCP NT Việt Nam Chi nhánh N (theo văn bản uỷ quyền 74/UQ-NĐI.HCNSNQ ngày 01-12-2020 của bà

Đoàn Thị Hồng N).

- Bị đơn:

1. Anh Phạm Quang S, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Quang S: Chị Tạ Thị N (vợ anh S) (theo văn bản ủy quyền ngày 29-3-2021).

2. Chị Tạ Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Quang H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định; người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Quang H: Bà Nguyễn Thị S (vợ ông H) (theo văn bản ủy quyền ngày 29-3-2021).

2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Hai bên đương sự thống nhất, tính đến hết ngày 15-4-2021 anh Phạm Quang S và chị Tạ Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền 1.683.624.374 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và nợ lãi là 183.624.374 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng). Trong đó lãi trong hạn là 128.812.730 đồng (một trăm hai mươi tám triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng); lãi quá hạn là 54.811.644 đồng (năm mươi bốn triệu tám trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16-4-2021 đến ngày anh Phạm Quang S và chị Tạ Thị N trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam theo lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/12516825 ngày 15-8-2019.

2.2. Về thời hạn và phương thức trả nợ: Đến hết tháng 8-2021 anh Phạm Quang S và chị Tạ Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền 1.683.624.374 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) và nợ lãi là 183.624.374 đồng (một trăm tám mươi ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó lãi trong hạn là 128.812.730 đồng (một trăm hai mươi tám triệu tám trăm mười hai nghìn bảy trăm ba mươi đồng); lãi quá hạn là 54.811.644 đồng (năm mươi bốn triệu tám trăm mười một nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng); tiền lãi phát sinh tính từ ngày 16-4-2021 cho đến

khi trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam theo lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 01/2019/HM/NHNT.NDI/12516825 ngày 15-8-2019 đã ký.

2.3. Địa điểm giao nhận tiền: Tại Ngân hàng TMCP NT Việt Nam - Chi nhánh N - Phòng giao dịch Y.

2.4. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Phạm Quang S và chị Tạ Thị N không thanh toán đúng bất kỳ thời hạn trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP NT Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/VCB.NDI-TC/12516825 ngày 26-04-2017 và Phụ lục hợp đồng số 01/2017/VCB.NDI-TC/12516825 ngày 10-01-2018; Phụ lục hợp đồng số 02/2017/VCB.NDI-TC/12516825 ngày 10-01-2018 được ký giữa ông Phạm Quang Huỳnh và bà Nguyễn Thị Sanh và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam là:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 058920 do UBND huyện Y cấp ngày 02-10-2007, mang tên ông Phạm Quang H cùng vợ là bà Nguyễn Thị S;

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 348341 do UBND huyện Y cấp ngày 19-08-2009, mang tên ông Phạm Quang H cùng vợ là bà Nguyễn Thị S.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi) thì anh Phạm Quang S và chị Tạ Thị N tiếp tục phải trả khoản nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam cho đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP NT Việt Nam đã tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

2.6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ngân hàng TMCP NT Việt Nam phải nộp 15.627.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) (đã làm tròn) và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.700.000 đồng (hai mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003476 ngày 14-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP NT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí còn lại là 14.073.000 đồng theo biên lai số 0003476 ngày 14-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

- Anh Phạm Quang S và chị Tạ Thị N phải nộp 15.627.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn đồng) (đã làm tròn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Nguyên